TÒA ÁN NHÂN DÂN **CẤP CAO TẠI HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số 347/2023/HC-PT
Ngày 24/5/2023
V/v yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Phan Nam;

Các Thẩm phán: Ông Điều Văn Hằng;

Ông Nguyễn Huyền Cường.

- Thư ký phiên tòa: Ông Ngô Cảnh Duy, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội: Bà Hoàng Thị Hải, Kiểm sát viên cao cấp;

Ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số: 163/2023/TLPT-HC ngày 21/02/2023 về "*Yêu cầu hủy quyết định giải quyết khiếu nại trong lĩnh vực đất đai*" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 290/2022/HC-ST ngày 15/12/2022 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 5157/2023/QĐPT ngày 09 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Người khởi kiện*: Ông Hoàng Mạnh L (tên gọi khác: Hoàng Văn L), sinh năm 1959;

Địa chỉ: Thôn H, xã Đ, huyện S, Thành phố Hà Nội, có mặt;

- *Người bị kiện*:

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp: Ông Đỗ Minh Tuấn, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S là người đại diện theo ủy quyền (Giấy ủy quyền số 32 ngày 03/02/2021), có đơn xin xét xử vắng mặt;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội: Ông Trần Văn Hưng, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Hoàng Thị T, sinh năm 1971, vắng mặt;

2. Chị Hoàng Thị T1, sinh năm 1983, vắng mặt;

3. Chị Hoàng Thị A, sinh năm 1985, vắng mặt;

4. Anh Hoàng G, sinh năm 1987, vắng mặt;

5. Anh Hoàng Mạnh H, sinh năm 1990, có mặt;

6. Bà Hoàng Thị C, sinh năm 1953, vắng mặt;

7. Bà Hoàng Thị M, sinh năm 1974, vắng mặt;

8. Bà Hoàng Thị T2, sinh năm 1960, vắng mặt;

9. Chị Hoàng Thị Việt H1, sinh năm 1993, vắng mặt;

10. Chị Hoàng Thị Bích T3, sinh năm 1989, vắng mặt;

11. Bà Hoàng Thị X, sinh năm 1955, vắng mặt;

12. Bà Hoàng Thị T4, sinh năm 1959, vắng mặt;

13. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1965, vắng mặt;

14. Anh Hoàng Cao C2, sinh năm 1995, vắng mặt;

15. Bà Hoàng Thị X1, sinh năm 1949, vắng mặt;

16. Anh Hoàng Mạnh T5, sinh năm 1988, vắng mặt;

Đều cư trú: Thôn H, xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội.

17, Ông Hoàng Văn T6, sinh năm 1967, vắng mặt;

Nơi cư trú: Xóm T, xã T, huyện T, Hà Nội.

Người đại diện theo ủy quyền của bà T, chị N, chị A, anh G, anh H, bà C, bà M, bà T, chị H, chị T1, bà X, bà T4, bà H2, anh C2, bà X1, anh T5, ông T6: Ông Hoàng Mạnh L, sinh năm 1959; cư trú tại thôn H, xã Đ, huyện S, Thành phố Hà Nội;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện, các lời khai tại Tòa án, tại phiên tòa người khởi kiện là ông Hoàng Mạnh L trình bày:

Ông và bố ông (cụ Hoàng Văn S) là chủ sở hữu hợp pháp của 2.878m^2 và 1920m^2 đất nông nghiệp ở thôn H, xã Đ, huyện S đã được UBND huyện S cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (sau đây viết tắt là GCNQSDĐ) số 932337 đứng tên Hoàng Văn L và số 932584 đứng tên ông Hoàng Văn S ngày 19/5/1998; ngoài ra, năm 1991, gia đình ông còn khai hoang, phục hóa được 4 sào 11 thước (1.704m^2) đất, trên đất trồng 2.400 cây các loại gồm cây lấy gỗ và cây ăn quả như: Bạch đàn, chuối, táo...tại xứ đồng X và Y, đã được chính quyền địa phương thừa nhận và lập biên bản xác nhận ngày 25/7/1991. Năm 2013, UBND xã Đ đã thu hồi toàn bộ số đất trên của gia đình ông chia cho các hộ khác mà không có văn bản, quyết định nào. Ông đã làm đơn khiếu nại thì ngày 08/12/2017, UBND xã Đ ra Quyết định giải quyết khiếu nại số 234/QĐ-UBND và ngày 28/3/2018, UBND huyện S ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 607/QĐ-UBND đều bác đơn khiếu nại của ông. Đối chiếu với các chính sách pháp luật về đất đai, ông cho rằng việc dồn điền, đổi thừa phải được sự thỏa thuận của các hộ, không thể tự

ý thu hồi đất của gia đình ông giao cho các hộ khác mà không có ý kiến của gia đình ông, nên ông khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 607/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện S và Quyết định giải quyết khiếu nại số 234/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Chủ tịch UBND xã Đ; buộc UBND huyện S và UBND xã Đ phải bồi thường thiệt hại cho gia đình ông gồm: Thiệt hại không có đất canh tác 17 vụ; thiệt hại do HTX Đ vi phạm hợp đồng khoán trồng cây; thiệt hại đánh gốc, san lấp mặt bằng tại thửa đất bao thầu theo hợp đồng trồng cây ngày 15/11/1987. Tổng thiệt hại: 1.172.000.000 đồng.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND xã Đ trình bày:

UBND xã Đ nhận được đơn khiếu nại của ông Hoàng Mạnh L ở thôn H, xã Đ, huyện S, thành phố Hà Nội khiếu nại đối với nội dung 1 và 2 của văn bản số 188/CV-UBND ngày 08/6/2017 của UBND xã Đ về việc trả lời đơn kiến nghị của công dân, liên quan đến việc thực hiện công tác dồn điền đổi thửa khu vực thôn H và UBND xã Đ thu lại diện tích 4 sào 13 thước tại xứ đồng Y và X thôn H nhưng không có quyết định thu hồi, không bồi thường, hỗ trợ và diện tích dồn điền đổi thửa của hộ ông Hoàng Mạnh L, hộ ông Hoàng Văn S nhận ruộng cùng nhóm ông L. UBND xã Đ đã tiến hành xác minh nội dung khiếu nại của ông L, cho thấy:

- Nguồn gốc đất tại xứ đồng Y và X thôn H:

+ Theo ông L thì nguồn gốc đất xứ đồng Y và X là đất công do UBND xã Đ quản lý; ngày 15/11/1987, ông Hoàng Văn S (bố đẻ ông L) được UBND Đ, Ban quản lý Hợp tác xã nông nghiệp và Ban Lâm nghiệp xã Đức Hoa ký *"Hợp đồng trồng cây lấy gỗ và cây ăn quả",* có thời hạn 10 năm kể từ ngày 15/11/1987 đến ngày 15/11/1997. Năm 1991, do bị phá hoại cây nên đến ngày 08/5/1991, ông Hoàng Văn S là bố ông L được thôn H giao diện tích và sản lượng ruộng hoang hóa vụ mùa năm 1991 diện tích 3 sào 13 thước; và ngày 25/7/1991, ông L được thôn H giao diện tích và sản lượng ruộng hoang hóa vụ mùa năm 1991 diện tích 0 sào 13 thước; tổng diện tích được giao 4 sào 11 thước là toàn bộ diện tích nằm trong *"Hợp đồng trồng cây lấy gỗ và cây ăn quả",* bố ông cũng đã ký ngày 15/11/1987. Ông L cung cấp cho Tổ xác minh bản sao của Bản hợp đồng trồng cây lấy gỗ và cây ăn quả ngày 15/11/1987; bản photo văn bản giao diện tích, sản lượng ruộng hoang hóa cho các hộ vụ mùa năm 1991 của thôn H đối với ông Hoàng Văn S ngày 08/5/1991 và đối với ông Hoàng Mạnh L ngày 25/7/1991. Ngoài ra, ông L không cung cấp được văn bản khác thể hiện việc được tiếp tục giao phần diện tích trên. Khu Y và X có ụ pháo từ chiến tranh chống Mỹ để lại; năm 1994, cụ S làm đơn xin hạ mặt bằng ụ pháo để cải tạo nhằm có thêm diện tích canh tác và đã được thôn H và UBND xã Đ đồng ý. Năm 1997, thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ về việc ban hành bản quy định về việc giao đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài vào mục đích sản xuất nông nghiệp, gia đình ông L tự nguyện nhận diện tích theo tiêu chuẩn về xứ đồng Y và X và diện tích ụ pháo bố ông L đã cải tạo, không nằm trong diện tích được thôn giao năm 1991.

+ Theo Biên bản làm việc ngày 19/10/2017, Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn H cho biết: Đất ở xứ đồng Y và X có nguồn gốc là đất công do UBND xã quản lý, ông L được giao đất khi thực hiện Nghị định số 64/CP nêu trên; cụ S được giao từ

"*Hợp đồng trồng cây lấy gỗ và cây ăn quả*" đã hết hạn từ năm 1997. Năm 2013, UBND xã Đ thực hiện công tác dồn điền, đổi thửa, có tổ chức hội nghị tuyên truyền, vận động nhân dân về mục đích, những thuận lợi, hiệu quả trong sản xuất khi thực hiện Đề án dồn điền, đổi thửa trong nông nghiệp và hội nghị họp toàn dân trong thôn ngày 16/01/2014 để xây dựng phương án dồn điền, đổi thửa, quy chế chia ruộng được nhân dân thảo luận và thống nhất tận dụng các quỹ đất nông nghiệp trong đó có quỹ đất công và toàn bộ diện tích đất đã chia cho nhân dân theo Nghị định số 64/CP để quy hoạch lại đồng ruộng, xây dựng hệ thống giao thông, thủy lợi và các quỹ đất công ích, diện tích còn lại chia cho nhân dân theo nhân khẩu khi thực hiện Nghị định số 64/CP và không có bồi thường đất và công cải tạo đất. Theo đó, Tiểu ban dồn điền, đổi thửa thôn H đã chia cho nhân dân theo phương án dồn điền, đổi thửa và quy chế chia ruộng toàn dân trong thôn đã họp bàn thống nhất, cụ thể:

Tại thời điểm năm 1997 thực hiện Nghị định số 64/CP ngày 27/9/1993, nhân khẩu 03 hộ trong nhóm ông Hoàng Mạnh L là 15 khẩu gồm: Hộ ông Hoàng Văn C3 05 khẩu (gồm ông Hoàng Văn C3, vợ là bà Nguyễn Thị H2, con là Hoàng Thị Thủy, Hoàng Thị Hà, Hoàng Cao C2); hộ ông Hoàng Mạnh L gồm 06 khẩu (gồm ông Hoàng Mạnh L, vợ là bà Nguyễn Thị T7, con là Hoàng Thị Thúy N, Hoàng Thị A, Hoàng G, Hoàng Mạnh H); hộ ông Hoàng Văn S 04 khẩu (gồm ông Hoàng Văn S, vợ là bà Đặng Thị K, con là Hoàng Thị M, Hoàng Thị T).

Tại thời điểm thực hiện đồn điền, đổi thửa, nhóm ông Hoàng Mạnh L thuộc nhóm 3 có tổng số nhân khẩu là 13 khẩu giảm 02 khẩu so với số nhân khẩu khi thực hiện Nghị định số 64/CP năm 1997 do: năm 1999, chị Hoàng Thị T (con gái ông S) lấy chồng là anh Nguyễn Hữu D (người cùng thôn), năm 2001, hai gia đình cùng lãnh đạo thôn H đã thống nhất chuyển 01 khẩu ruộng chia theo Nghị đỉnh số 64/CP của chị T về nhà anh D; chuyển 01 khẩu (chị Hoàng Thị Thúy N, con gái ông L) về hộ nhà chồng (hộ ông Nguyễn Quốc H3) cùng thôn, khi thực hiện công tác dồn điền, đổi thửa chị N, chị T đều đã được nhận tiêu chuẩn ruộng cùng với các nhân khẩu nhà chồng.

Kết quả chia ruộng ngoài thực địa của Tiểu ban dồn điền đổi thửa thôn H, kết quả bốc thăm số phiếu và tiêu chuẩn diện tích của nhóm ông L như sau:

+ Vòng 1: Lô 79 tại xứ đồng Z: 492,7m^2

+ Vòng 2: Lô 124 tại mặt đường: 464,4m^2

+ Vòng 3: Lô 39 tại xứ đồng E: 3.903,1 m^2

+ Vòng 4: Lô 47 tại F 1,307,9 m^2 + 9m^2 (cộng thêm do có mộ trên đất)=1.316,9 m^2

Tổng diện tích được chia 6.177,1 m^2. Chia bình quân cho 13 khẩu được 475m^2/khẩu (giảm 6m^2/khẩu so với định mức bình quân của thôn: 481m^2/khẩu do hệ số K).

Như vậy, diện tích dồn điền, đổi thửa hộ ông Hoàng Văn L và hộ ông Hoàng Văn S được nhận là: 8 khẩu x 475m^2/khẩu =3.800 m^2. Diện tích giảm so với tổng diện tích 02 GCNQSDĐ của của hộ ông L và hộ ông S theo trình bày của ông L:

4.798m^2 là do hệ số K nhận ruộng khi thực hiện đồn điền, đổi thửa và số nhân khẩu giảm 02 nhân khẩu đã chuyển về nhà chồng.

Bà Nguyễn Thị H2, nhân khẩu trong nhóm ông L là người nhận ruộng và hiện tại vẫn đang canh tác.

Do vậy, ông Hoàng Mạnh L khiếu nại nội dung 1 và 2 của văn bản số 188/CV-UBND ngày 08/6/2017 của UBND xã Đ là không có cơ sở, nên ngày 08/12/2017, UBND xã Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 234/QĐ-UBND không chấp nhận khiến nại của ông Hoàng Mạnh L; ông L yêu cầu hủy Quyết định số 234/QĐ-UBND nêu trên và yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có căn cứ; đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện Chủ tịch UBND huyện S trình bày:

Diện tích đất 4 sào 11 thước thuộc khu đồng X và Y là đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích, do UBND xã quản lý. Năm 1987, Hợp tác xã Đ có ký Hợp đồng trồng cây lấy gỗ và ăn quả với ông Hoàng Văn S (bố đẻ ông L). Ngày 10/2/1991, Ban cấp ủy thôn H ký hợp đồng giao cho ông Hoàng Văn S diện tích 3 sào 13 thước tại khu vực X để trồng màu, hàng năm ông L phải nộp sản lượng cho thôn là 9 kg thóc. Khi thực hiện dồn điền đổi thửa, vì 4 sào 11 thước đất này ông S được giao là đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích nên được thu hồi để bù vào diện tích đất làm đường giao thông, thủy lợi nội đồng không thuộc diện được đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định.

Về diện tích đất thiếu sau dồn điền, đổi thửa nhóm hộ ông L: Theo quy định tại khoản 2, Điều 11 Luật khiếu nại, ông Hoàng Mạnh L không phải là người có quyền lợi liên quan trực tiếp đến việc thiếu khẩu của hộ ông Hoàng Văn S, do vậy thuộc trường hợp không xử lý đơn khiếu nại. Tuy nhiên, để công dân hiểu rõ hơn nội dung yêu cầu, tổ xác minh đã tiến hành xác minh cụ thể trường hợp nhân khẩu ông Hoàng Văn T6 và diện tích đất ruộng của bà Hoàng Thị T.

Kiểm tra hộ khẩu từ năm 1993 của hộ ông Hoàng Văn S cho thấy không có tên ông Hoàng Văn T6. Sổ hộ khẩu năm 2002 có tên của ông Hoàng Văn T6 được chuyển đến ngày 24/9/2002, chuyển đi ngày 18/5/2007, nơi chuyển đến C, Đ, Hà Nội.

Thời điểm chia đất theo Nghị định số 64/CP, ông Hoàng Văn T6 không có hộ khẩu tại địa phương, hộ ông Hoàng Văn S chỉ có 4 nhân khẩu được chia ruộng theo Nghị định số 64/CP là ông Hoàng Văn S, bà Đặng Thị K, hai con là Hoàng Thị T và Hoàng Thị M diện tích 1.920m^2 đã được cấp GCNQSDĐ số 1932584 năm 1998. Đến năm 1999, bà Hoàng Thị T kết hôn với ông Nguyễn Hữu D đồng thời chuyển diện tích đất và khẩu về nhà chồng. Sau đó hộ gia đình ông Nguyễn Hữu D đã được cấp GCNQSDĐ số L385339, diện tích 1.156m^2. Tuy nhiên, khi cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Nguyễn Hữu D (bà T), UBND xã Đ và Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện đã không đính chính ghi giảm diện tích đất trên GCNQSDĐ của hộ ông Hoàng Văn S; điều này dẫn đến việc ông Hoàng Mạnh L hiểu nhầm và cho rằng gia đình ông S phải nhận đủ diện tích 1.920m^2 đất theo GCNQSDĐ; trách

nhiệm này thuộc về cán bộ địa chính xã; UBND xã Đ và Phòng Tài nguyên & Môi trưởng huyện.

Từ những lý do trên, ngày 29/3/2018, UBND huyện S ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 607/QĐ-UBND, theo đó không chấp nhận khiếu nại của ông Hoàng Mạnh L, giữ nguyên Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/12/2007 của UBND xã Đức Hoa. Việc ông L yêu cầu bồi thường thiệt hại là không có căn cứ nên UBND huyện S không chấp nhận và đề nghị Tòa án nhân dân Thành phố Hà Nội giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ủy quyền cho ông L nhất trí ý kiến của ông L và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện như ông L đã trình bày.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 290/2022/HC-ST ngày 15/12/2022 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội đã xử:

Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Hoàng Mạnh L.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn tuyên về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 25/12/2022, ông Hoàng Mạnh L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bên đương sự không xuất trình thêm tài liệu, chứng cứ mới và không thống nhất được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Người khởi kiện là ông Hoàng Mạnh L không rút đơn khởi kiện; giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và về cơ bản vẫn giữ nguyên quan điểm như đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm.

Người bị kiện là Chủ tịch UBND xã Đ và Chủ tịch UBND huyện S có đơn xin xét xử vắng mặt, về cơ bản giữ nguyên quan điểm đã trình bày tại Tòa án cấp sơ thẩm và đề nghị Hội đồng xét xử bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên các quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội trình bày quan điểm về việc giải quyết vụ án: Đơn kháng cáo của ông Hoàng Mạnh L là hợp lệ. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đã tuân thủ đúng các quy đinh của pháp luật tố tụng hành chính; việc người bị kiện vắng mặt nhưng có đơn xin xử vắng mặt thì theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật tố tụng hành chính, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt. Về nội dung, kháng cáo của ông Hoàng Mạnh L là không có căn cứ chấp nhận. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính xử bác kháng cáo của ông Hoàng Mạnh L và giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định.

[1] Về tố tụng: Ngày 25/12/2022, ông Hoàng Mạnh L có đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm là trong thời hạn luật định nên đủ điều kiện xem xét theo thủ tục phúc thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người bị kiện là Chủ tịch UBND xã Đ và Chủ tịch UBND huyện S vắng mặt và có văn bản đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt; theo đề nghị của người khởi kiện và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên theo quy định tại khoản 4 Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[1.2] Ngày 28/6/2018, ông Hoàng Mạnh L khởi kiện vụ án hành chính yêu cầu Toà án hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 607/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện S và Quyết định giải quyết khiếu nại số 234/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Chủ tịch UBND xã Đ, là quyết định hành chính do người có thẩm quyền trong cơ quan hành chính nhà nước ban hành về vấn đề giải quyết khiếu nại trong hoạt động quản lý hành chính trong lĩnh vực đất đai có nội dung làm ảnh hưởng đến quyền, lợi ích hợp pháp của người khởi kiện, nên là đối tượng khởi kiện của vụ án hành chính, và Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền và trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 3, khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32 và Điều 116 của Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Hoàng Mạnh L thì thấy:

Ông Hoàng Mạnh L khởi kiện, yêu cầu Tòa án hủy Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của Chủ tịch UBND xã Đ; Quyết định giải quyết khiếu nại số 607/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện S và yêu cầu bồi thường thiệt hại gồm: Thiệt hại không có đất canh tác 17 vụ; Thiệt hại do HTX Đ vi phạm hợp đồng khoán trồng cây; Thiệt hại đánh gốc, san lấp mặt bằng tại thừa đất bao thầu theo hợp đồng trồng cây ngày 15/11/1987. Tổng thiệt hại: 1.172.000.000 đồng.

2.1 Về thẩm quyền, trình tự thủ tục ban hành quyết định hành chính:

Sau khi nhận được đơn khiếu nại của ông L, UBND xã Đ và UBND huyện S đã tiến hành kiểm tra, xác minh; trên cơ sở kết quả kiểm tra xác minh Chủ tịch UBND xã Đ ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 234/QĐ-UBND ngày 08/12/2017, và Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 607/QĐ-UBND ngày 28/3/2018. Mặc dù các quyết định nêu trên đều do Phó Chủ tịch UBND ký ban hành nhưng có căn cứ vào văn bản ủy quyền của Chủ tịch UBND (Chủ tịch UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 185/QĐ-UBND ngày 22/01/2016 về việc điều chỉnh phân công công tác lãnh đạo UBND huyện). Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm xác định việc ban hành các quyết định nêu trên là đúng thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định tại Điều 17, Điều 18, Điều 27, 28, 29, 30, 36, 37, 38, 39 Luật khiếu nại năm 2011

2.2. Xét nội dung, căn cứ ban hành quyết định giải quyết khiếu nại hành chính

Diện tích đất 4 sào 11 thước thuộc khu đồng X và Y là đất nông nghiệp sử dụng vào mục đích công ích do UBND xã Đ quản lý. Năm 1987, hợp tác xã Đ có

ký hợp đồng trồng cây lấy gỗ và ăn quả với ông Hoàng Văn S (bố đẻ ông L) tại khu vực X và Y. Ngày 10/2/1991, Ban cấp ủy thôn H ký hợp đồng giao cho ông Hoàng Văn S diện tích 3 sào 13 thước tại khu vực X để trồng màu, hàng năm phải nộp sản lượng cho thôn là 9 kg thóc. Như vậy, gia đình ông L sử dụng đất là trên cơ sở thuê khoán đất của UBND xã Đ, ông L chưa được cơ quan có thẩm quyền giao phần đất này. Vì đất là đất nông nghiệp được sử dụng vào mục đích công ích, và thuộc quyền sử dụng của UBND xã nên khi hết hạn thực hiện hợp đồng và thực hiện dồn điền, đổi thửa, thôn và xã đã tận dụng diện tích đất này để bù vào diện tích đất làm đường giao thông, thủy lợi nội đồng, do đó, đất này không thuộc diện được đền bù, giải phóng mặt bằng theo quy định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, khi được hỏi khi thực hiện chính sách dồn điền, đổi thửa ông L thừa nhận cũng đã được họp bàn ngày 26/02/2014 và thống nhất về việc thu hồi và chia lại ruộng đất, nên phần diện tích đất gia đình ông L đã được cấp GCNQSDĐ đã được nhập lại để chia theo khẩu và việc ông L cho rằng thu hồi đất không có quyết định thu hồi là đúng nhưng ông cũng đã đồng ý với chủ trương này, nên việc thu hồi không sai về thủ tục. Hơn nữa, việc ông L cho rằng UBND xã đã giao thiếu diện tích đất nông nghiệp sau dồn điền, đổi thửa của khẩu ông Hoàng Văn T6 con ông Hoàng Văn S. Kiểm tra hộ khẩu từ năm 1993 của hộ ông Hoàng Văn S cho thấy không có tên ông Hoàng Văn T6. Sổ hộ khẩu năm 2002 có tên của ông Hoàng Văn T6 được chuyển đến ngày 24/9/2002, chuyển đi ngày 18/5/2007, nơi chuyển đến Thành Công, Ba Đình, Hà Nội. Như vậy, tại thời điểm chia đất theo Nghị định số 64/CP, ông Hoàng Văn T6 không có hộ khẩu tại địa phương, hộ ông Hoàng Văn S chỉ có 4 nhân khẩu được chia ruộng theo Nghị định số 64/CP là ông Hoàng Văn S, bà Đặng Thị K, hai con là Hoàng Thị T và Hoàng Thị M diện tích 1.920m^2 đã được cấp GCNQSDĐ số L 932584 năm 1998. Đến năm 1999, bà Hoàng Thị T kết hôn với ông Nguyễn Hữu Dđồng thời chuyển diện tích đất và khẩu về nhà chồng. Sau đó hộ gia đình ông Nguyễn Hữu Dđã được cấp GCNQSDĐ số L385339, số vào sổ 01369/QSDĐ, diện tích 1.156m^2. Tại phiên tòa phúc thẩm, anh Hoàng Mạnh H (con trai ông L) và ông L đều thừa nhận nhóm ông L đã nhận đủ 08 suất đất (3.800m^2) là đã đảm bảo quyền và lợi ích cho nhóm ông L. Việc UBND xã Đ và Phòng Tài nguyên & Môi trường huyện đã không đính chính ghi giảm diện tích đất trên GCNQSDĐ của hộ ông Hoàng Văn S, dẫn đến việc ông Hoàng Mạnh L cho rằng gia đình ông S phải nhận đủ diện tích 1.920m^2 đất theo GCNQSDĐ là thiếu sót, cần sớm khắc phục.

Như vậy, UBND xã Đ và UBND huyện S ban hành Quyết định số 234/QĐ-UBND ngày 08/12/2017 của chủ tịch UBND xã Đ và Quyết định số 607/QĐ-UBND ngày 28/3/2018 của Chủ tịch UBND huyện S là đúng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu hủy 02 quyết định này của ông Hoàng Mạnh L là có căn cứ.

Vì yêu cầu hủy hai Quyết định hành chính nêu trên của ông Hoàng Mạnh L không có căn cứ nên Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu về bồi thường thiệt hại của ông Hoàng Mạnh L là có căn cứ.

Do vậy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông L.

[3] Về án phí: ông Hoàng Mạnh L là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí vì vậy miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Hoàng Mạnh L.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý, sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận nội dung đơn kháng cáo của ông Hoàng Mạnh L, giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 290/2022/DS-ST ngày 15/12/2022 của Toà án nhân dân thành phố Hà Nội.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho ông Hoàng Mạnh L.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận
- *TAND thành phố Hà Nội;*
- *VKS ND thành phố Hà Nội;*
- *VKSND cấp cao tại Hà Nội;*
- *Cục THADS thành phố Hà Nội;*
- *Các đương sự (theo địa chỉ)*
- *Lưu HSVA, Phòng HCTP.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Nguyễn Phan Nam